

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ủy quyền giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy định phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật;

Căn cứ Thông tư số 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và UBND xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 1878/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Căn cứ Quyết định số 03/2025/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 32/TTr-SNNMT ngày 10 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giải quyết một số thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa (đính kèm Phụ lục).

Thời hạn ủy quyền các nhiệm vụ, quyền hạn nêu tại Điều 1 Quyết định này kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực đến hết ngày 28/02/2027.

Điều 2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm:

1. Công khai các nội dung được ủy quyền tại Điều 1 Quyết định này cho các tổ chức, cá nhân biết, thực hiện theo quy định.

2. Tham mưu công bố danh mục thủ tục hành chính/danh mục thủ tục hành chính sửa đổi (nếu có) và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định.

3. Tổ chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền theo đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật.

4. Thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng (chung với báo cáo kiểm soát TTHC) hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện nội dung được ủy quyền theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; Chịu trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cơ quan quản lý nhà nước ở trung ương về việc điều chỉnh trình tự, thủ tục, thẩm quyền để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

5. Trong quá trình triển khai, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc có thay đổi liên quan đến quy định của pháp luật, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để được xem xét, điều chỉnh phù hợp.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Nội vụ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tư pháp (báo cáo);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (báo cáo);
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- VPUB: LĐ, KT, XDND;
- Trung tâm CB và Công TTĐT tỉnh;
- TTPVHCC: LĐ, các Phòng;
- Lưu: VT, NTL.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thanh Hà

Phụ lục**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT ĐƯỢC CHỦ TỊCH
UBND TỈNH ỦY QUYỀN CHO GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH KHÁNH HÒA***(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Khánh Hòa)*

STT	Tên TTHC được ủy quyền	Mã số TTHC
I	Lĩnh vực bảo vệ thực vật	
1	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật	2.001236
2	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật	1.003971
3	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc Bảo vệ thực vật	1.004493
4	Cấp Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	1.004546
5	Cấp lại Thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện kiểm dịch thực vật	1.004524
6	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón	1.007926
7	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	1.007927
8	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón	1.007928
9	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón	1.007929
10	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu	1.003395
II	Lĩnh vực trồng trọt	
1	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	1.010090
2	Cấp, cấp lại Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm giống cây trồng	1.007998
3	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1.012072

4	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ	1.012071
5	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1.012073
6	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc	1.012070
7	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1.012063
8	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1.012064
9	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng	1.012062
10	Đăng ký dự kiểm tra nghiệp vụ giám định quyền đối với giống cây trồng	1.011998
11	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	1.007999
12	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại	1.007994